zài xiào yuán lǐ

第三课 在 校 园 里

ài zhēn kàn jiàn lǐ zhōng wén yī gè rén zài sàn bù

1.(爱 珍 看 见 李 钟 文 一 个 人 在 散 步……)

hùi, lǐ zhōng wén, nǐ zhè shì qù nǎ er

爱珍:晦, 李 钟 文 ,你 这 是 去 哪 儿?

ò, shì ài zhēn ya. wǒ súi biàn zhuàn zhuàn, shùn biàn shú xī yī xià xiào yuán

李钟文:哦,是 爱 珍 呀. 我 随 便 转 转, 顺 便 熟 悉 一 下 校 园.

yuán lái shì zhè yàng, guài bù dé zhè jǐ tiān wǒ jīng cháng kàn jiàn nǐ zài xiào yuán lǐ zhuàn. nǐ dùi xiào yuán de yìn xiàng zěn yàng

爱珍:原来是 这 样, 怪 不 得 这 几 天 我 经 常 看 见 你 在 校 园 里 转. 你 对 校 园 的 印 象 怎 样?

xiào yuán bù tài dà; bù gùo, huán jìng hěn hǎo, yòu ān jìng ~~chā~~ piào liàng

李钟文:校 园 不 太 大;不 过, 环 境 很 好, 又 安 静 又 漂 亮.

wǒ yě zhè yàng xiǎng, èn..... bù gùo chōu yān de rén tài dūo le, er qiě yǒu de rén luàn rēng yān tóu

爱珍:我 也 这 样 想, 嗯.....不 过 抽 烟 的 人 太 多 了,而 且 有 的人 乱 扔 烟 头.

wǒ bù zhè yàng xiǎng. wǒ jué dé luàn rēng yān tóu zhǐ shì shǎo shù rén.

李钟文:我 不 这 样 想. 我 觉 得 乱 扔 烟 头 只 是 少 数 人.

zǒu dào tóu le. zhè gè xiào yuán zhēn xiǎo ya!

爱珍:走 到 头 了. 这 个 校 园 真 小 呀!

què shí bù dà, bù gùo, wǒ fā xiàn xiào yuán lǐ shū diàn，xǐ yī diàn、lǐ fā diàn shén me de dōu yǒu, fēi cháng fāng biàn.

李钟文:确实不大,不过, 我 发 现 校 园 里 书 店、 洗 衣 店、 理发 店 什 么 的 都 有, 非 常 方 便.

lǐ zhōng wén, nǐ zhī dào yóu jú zài nǎ er ma

2.爱珍:李 钟 文, 你 知 道 邮 局 在 哪儿吗?

nǐ kàn, nà tiáo lù zǒu dào tóu, zài wǎng zǔo yī guǎi jìu shì yī gè xiǎo yóu jú

李钟文:你 看, 那 条 路 走 到 头, 再 往 左 一 拐 就 是 一 个 小 邮 局.

xiǎng bù dào nǐ yǐ jīng zhè me shú xī le! yǒu méi yǒu jiàn shēn fáng?

爱珍:想 不 到 你 已 经 这 么 熟 悉 了! 有 没 有 健 身 房?